VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 18.12.2025 16:15:32 +07:00

Số 1681 + 1682 **Ngày 13 tháng 12 năm 2025**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

26-11-2025 - Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. 2

VĂN BẢN KHÁC

CHÍNH PHỦ

02-12-2025 - Nghị quyết số 389/NQ-CP về việc bổ sung danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. 93

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 18.12.2025 16:15:39 +07:00

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2025/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn một số quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy

định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP), cụ thể:

a) Quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 21, 22, 23, 26, 27 và Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Trình tự, thủ tục và biểu mẫu xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là cơ quan đề xuất) căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 21, khoản 1 và khoản 2 Điều 26 và khoản 5 Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

2. Tài liệu trong hồ sơ thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Dự thảo chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-01;

b) Thuyết minh chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-02.

3. Thẩm định và ban hành chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

a) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định chương trình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và gửi báo cáo thẩm định theo biểu mẫu BM-03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan đề xuất;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, cơ quan đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ và ban hành chương trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Thẩm định và phê duyệt chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

a) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định chương trình theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và gửi báo cáo thẩm định theo Biểu mẫu BM-03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan đề xuất;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, cơ quan đề xuất có trách nhiệm xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ thẩm định chương trình và gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan đề xuất và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5. Tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

Sau khi chương trình được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được giao chủ trì quản lý chương trình triển khai các công việc sau:

a) Tổ chức thực hiện chương trình;

b) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện chương trình theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a) Cơ quan, đơn vị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất xây dựng chương trình, gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý xem xét, phê duyệt;

b) Hồ sơ đề xuất chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm: văn bản đề xuất chương trình; dự thảo chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; thuyết minh chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và các tài liệu khác (nếu có);

c) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất hợp lệ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình;

d) Sau khi chương trình được ban hành, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện chương trình và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện chương trình trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Trình tự, thủ tục và biểu mẫu xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là cơ quan đề xuất) căn cứ quy định tại khoản 1 và 2 Điều 26 và khoản 5 Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP xây dựng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

2. Tài liệu trong hồ sơ thẩm định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược được thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Dự thảo nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; dự thảo nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo Biểu mẫu BM-05;

b) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo Biểu mẫu BM-06.

3. Thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược:

a) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định nhiệm vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và gửi báo cáo thẩm định theo Biểu mẫu BM-07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan đề xuất;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, cơ quan đề xuất có trách nhiệm lập báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ thẩm định nhiệm vụ và gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan đề xuất và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược

Sau khi nhiệm vụ được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được giao chủ trì quản lý nhiệm vụ triển khai các công việc sau:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

b) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược theo Biểu mẫu BM-08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, doanh nghiệp căn cứ Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ quy định tại Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ về cơ quan quản lý nhiệm vụ.

2. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Tài liệu trong hồ sơ đăng ký thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-09;

b) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-10;

c) Thuyết minh chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-11;

d) Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-12.

3. Xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiến hành xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Tài liệu được quy định tại điểm e khoản 4 và điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-13;

b) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-14;

c) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-15 (Biểu mẫu này được hoàn thiện và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP).

4. Phê duyệt và ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt và ký hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Tài liệu được quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 4 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-16 (Biểu mẫu này do tổ chức chủ trì chủ động phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP);

b) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-17;

c) Hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-18.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thực hiện đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đánh giá trong kỳ.

Cơ quan quản lý nhiệm vụ và tổ chức chủ trì thực hiện việc đánh giá trong kỳ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Tổ chức chủ trì chuẩn bị báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-19 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, các tài liệu minh chứng khác (nếu có) và gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét việc thành lập đoàn đánh giá hoặc giao cho đơn vị chuyên môn trực tiếp tiến hành đánh giá và lập biên bản đánh giá theo Biểu mẫu BM-20 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Căn cứ kết quả đánh giá trong kỳ, cơ quan quản lý nhiệm vụ có thể xem xét cấp tiếp kinh phí thực hiện, điều chỉnh hợp đồng hoặc đề nghị tổ chức chủ trì chấm dứt nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5, 6 và 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ.

Việc điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất điều chỉnh theo Biểu mẫu BM-21 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và hồ sơ liên quan (nếu có) đến cơ quan quản lý nhiệm vụ;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất điều chỉnh, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức lấy ý kiến chuyên gia hoặc hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến bằng văn bản các bên liên quan (nếu cần) và ban hành văn bản điều chỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh theo Biểu mẫu BM-22 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh là cơ sở để tiếp tục triển khai nhiệm vụ theo nội dung điều chỉnh đã được chấp thuận.

3. Đánh giá cuối kỳ và đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ.

Việc đánh giá cuối kỳ và đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Tổ chức chủ trì chuẩn bị hồ sơ đánh giá và gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức thực hiện thủ tục đánh giá theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

c) Chuyên gia, tổ chức tư vấn đánh giá lập báo cáo đánh giá theo Biểu mẫu BM-23 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ.

Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 16, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

a) Đối với trường hợp tổ chức chủ trì đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, công văn đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo Biểu mẫu BM-24 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo Biểu mẫu BM-25 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ.

Việc thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được lập theo Biểu mẫu BM-26 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Phân cấp quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Theo yêu cầu quản lý, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động phân cấp cho cơ quan, tổ chức trực thuộc để quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho cơ quan, tổ chức trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ như sau:

a) Văn phòng Bộ là cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nội bộ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ tài trợ, đặt hàng, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ tài trợ, đặt hàng, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các đơn vị có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này tương ứng với chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Đơn vị có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về hoạt động đổi mới sáng tạo theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Trường hợp cần thiết, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 57 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Thông tư này để ban hành quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý và phù hợp với thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục

Biểu mẫu về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Biểu mẫu BM-01: Dự thảo chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Biểu mẫu BM-02: Thuyết minh chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Biểu mẫu BM-03: Báo cáo thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Biểu mẫu BM-04: Báo cáo thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Biểu mẫu BM-05: Dự thảo nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt/nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược.

6. Biểu mẫu BM-06: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt/nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược.

7. Biểu mẫu BM-07: Báo cáo thẩm định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt/nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược.

8. Biểu mẫu BM-08: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt/nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược.

9. Biểu mẫu BM-09: Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10. Biểu mẫu BM-10: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

11. Biểu mẫu BM-11: Thuyết minh tổng quát chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

12. Biểu mẫu BM-12: Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

13. Biểu mẫu BM-13: Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

14. Biểu mẫu BM-14: Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ.

15. Biểu mẫu BM-15: Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

16. Biểu mẫu BM-16: Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

17. Biểu mẫu BM-17: Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

18. Biểu mẫu BM-18: Hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

19. Biểu mẫu BM-19: Báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

20. Biểu mẫu BM-20: Mẫu biên bản đánh giá trong kỳ.

21. Biểu mẫu BM-21: Đơn đề nghị điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

22. Biểu mẫu BM-22: Quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

23. Biểu mẫu BM-23: Báo cáo đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ.

24. Biểu mẫu BM-24: Đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

25. Biểu mẫu BM-25: Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

26. Biểu mẫu BM-26: Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ.

BM-01

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại hình Chương trình:

- Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[1] ☐

- Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia[2] ☐

- Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt[3] ☐

- Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược[4] ☐

2. Cơ quan đề xuất:.....

II. THÔNG TIN CỤ THỂ

1. Tên chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo[5]:.....

2. Tóm tắt tính cấp thiết (*căn cứ triển khai*), **tính mới, tính khả thi:**.....

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu tổng quát:.....

3.2. Mục tiêu cụ thể:.....

4. Nội dung (*Có thể chia theo cụm, chuỗi nhiệm vụ hoặc hợp phần, nêu trọng tâm hướng đến giải quyết các vấn đề KH, CN&ĐMST cấp thiết của ngành, lĩnh vực, địa phương*):.....

---

[1] Đáp ứng quy định tại Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[2] Đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[3] Đáp ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[4] Đáp ứng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[5] Ghi đầy đủ, phù hợp với loại hình Chương trình tại khoản 1, Mục I Biểu mẫu này.

5. Yêu cầu đối với sản phẩm, chỉ tiêu đánh giá (*Sản phẩm đầu ra chính và các chỉ tiêu chất lượng*):.....

6. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và dự kiến hiệu quả và tác động[6]:…...

7. Cơ quan chủ trì quản lý chương trình (dự kiến):.....

8. Cơ quan phối hợp và phương án hợp tác quốc tế (nếu có):.....[7]

9. Thời gian thực hiện:..... tháng (từ..... đến.....).

10. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện:..... tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:.....%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[8]:.....%.

11. Cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù[9] *(Nêu chi tiết về cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù):*.....

....., ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN ĐỀ XUẤT
(Ký tên, đóng dấu)

[6] Dự kiến hiệu quả, tác động của kết quả chương trình được đánh giá theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 47 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

[7] Nêu cụ thể về đối tác, nội dung hợp tác, phạm vi thực hiện, cơ chế phối hợp.

[8] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

[9] Áp dụng đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

BM-02

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

THUYẾT MINH CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO[1]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:.....

2. Cơ quan đề xuất:.....

3. Cơ quan chủ trì quản lý chương trình (dự kiến):.....

4. Cơ quan phối hợp và phương án hợp tác quốc tế (nếu có):.....

(*Đối tác, nội dung hợp tác, phạm vi thực hiện, cơ chế phối hợp*)

5.Thời gian thực hiện:..... tháng (từ..... đến.....)

6. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện:..... tỷ đồng

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:.....%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[2]:.....%.

7. Cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù[3] *(Nêu chi tiết về cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù):*.....

II. NỘI DUNG

1. Tính cấp thiết[4] (*Căn cứ triển khai; phân tích hiện trạng, vấn đề cần giải quyết; sự phù hợp về các căn cứ, nguyên tắc và tiêu chí xây dựng; phân tích tính mới*):

.....

---

[1] Ghi đầy đủ, phù hợp với loại hình chương trình đã đề xuất tại Biểu mẫu BM-01 về dự thảo chương trình Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Thông tư này.

[2] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

[3] Áp dụng đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

[4] Phù hợp với từng loại hình chương trình quy định tại khoản 1 Điều 21, Điều 23, Điều 25, khoản 1 và 2 Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Mục tiêu (*Nêu rõ mục tiêu tổng quát và cụ thể; các chỉ tiêu đạt được*):.....

3. Nội dung (*Mô tả chi tiết cấu phần, nhóm nhiệm vụ; lộ trình triển khai; phạm vi ngành/lĩnh vực/địa phương thụ hưởng*):.....

4. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá (*Dạng sản phẩm, số lượng, cấp độ công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp chuyển giao, chỉ tiêu thương mại hóa, v.v.*):

.....

5. Tính khả thi (*Đánh giá năng lực tổ chức chủ trì, cơ chế quản lý, bố trí nguồn lực, khả năng phối hợp; yếu tố pháp lý và kỹ thuật bảo đảm thực hiện...*):.....

6. Phương án tổ chức triển khai *(Nêu rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan trong việc triển khai chương trình):*.....

7. Khả năng thương mại hóa (*Chỉ rõ điểm mới về công nghệ, sản phẩm, quy trình, mô hình tổ chức; khả năng ứng dụng và thương mại hóa trong thực tiễn*):....

.....

8. Dự kiến hiệu quả và tác động[5].....

....., ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN ĐỀ XUẤT
(Ký tên, đóng dấu)

[5] Dự kiến hiệu quả, tác động của kết quả chương trình được đánh giá theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 47 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

BM-03

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH[1]....
Kính gửi:..... *(Tên cơ quan đề xuất chương trình)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Chương trình:.....

2. Loại hình:

☐ Chương trình KH, CN&ĐMST quốc gia;

☐ Chương trình KH, CN&ĐMST quốc gia đặc biệt;

☐ Chương trình KH, CN&ĐMST quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

3. Cơ quan đề xuất:.....

4. Cơ quan phối hợp và phương án hợp tác quốc tế (*nếu có*):.....

5. Thời gian thực hiện dự kiến:..... năm (từ... đến...)

6. Cơ quan thẩm định:.....

7. Căn cứ thẩm định:

- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025;

- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ;

- Các văn bản khác:.....;

- Hồ sơ thẩm định do cơ quan đề xuất gửi (*văn bản đề nghị, dự thảo chương trình, thuyết minh, ý kiến tham gia (nếu có)...*).

II. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH[2]

1. Thành lập Hội đồng thẩm định:

- Quyết định số... ngày... của... về việc thành lập Hội đồng thẩm định.

- Thành phần: chủ tịch, các thành viên (*ghi rõ họ tên, cơ quan công tác*).

---

[1] Chương trình chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia/chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt/chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

[2] Việc tổ chức thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 và khoản 4 Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

a) Hình thức thẩm định:

☐ Họp trực tiếp/trực tuyến/kết hợp;

☐ Lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Thời gian và địa điểm họp thẩm định:.....

2. Tài liệu thẩm định:

- Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đề xuất;

- Dự thảo chương trình;

- Thuyết minh chương trình;

- Các văn bản góp ý, phản biện độc lập trong quá trình xây dựng chương trình và giải trình tiếp thu của cơ quan đề xuất (*nếu có*);

- Tài liệu khác (*nếu có*).

III. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Tính cần thiết và cơ sở pháp lý của Chương trình

- Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, chương trình quốc gia, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; nghị quyết của UBND tỉnh:…...

- Tính cấp thiết, vấn đề KH, CN&ĐMST cần giải quyết; căn cứ khoa học và thực tiễn:.....

- Sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí xây dựng chương trình[3]:.....

2. Mục tiêu, phạm vi và nội dung

- Mục tiêu tổng quát và cụ thể rõ ràng, định lượng, có khả năng đo lường:.....

- Phạm vi, đối tượng, lĩnh vực hoạt động thuộc chương trình phù hợp với mục tiêu phát triển ngành/lĩnh vực/quốc gia:.....

- Cấu trúc nội dung (các hợp phần, nhóm nhiệm vụ, hướng nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ và các hoạt động khác...):.....

---

[3] Nguyên tắc xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia cần đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

- Tiêu chí xác định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt cần đáp ứng theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

- Yêu cầu và điều kiện đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược cần đáp ứng theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

3. Kết quả, sản phẩm và tác động dự kiến

- Các sản phẩm KH, CN&ĐMST chính (*công nghệ, sáng chế, mô hình, tiêu chuẩn, chính sách...*):.....

- Tác động dự kiến: kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh - quốc phòng:.....

- Khả năng lan tỏa, thương mại hóa, ứng dụng thực tiễn:.....

4. Phương thức tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì quản lý chương trình:.....

- Trình tự tuyển chọn, giao nhiệm vụ:.....

5. Cơ chế thực hiện

- Cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù[4] *(Nêu chi tiết về cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù)*:.....

- Cơ chế phối hợp (nếu có):.....

6. Kinh phí và nguồn lực thực hiện

- Dự kiến tổng kinh phí:..... đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

+ Ngân sách nhà nước:.....%.

+ Ngoài ngân sách nhà nước[5]:.....%.

- Đánh giá tính khả thi và hiệu quả sử dụng ngân sách:.....

7. Cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá

- Hệ thống chỉ tiêu đầu ra, tiêu chí đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ:.....

- Phương án tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, báo cáo kết quả:.....

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ký tên, đóng dấu)

[4] Áp dụng đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

[5] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

BM-04

CƠ QUAN CHỦ TRÌ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình:.....

2. Loại hình chương trình:.....[1]

3. Cơ quan chủ trì quản lý chương trình:.....

4. Quyết định phê duyệt: Số.../QĐ-... ngày.../.../...

5. Thời gian thực hiện: từ.../.../... đến.../.../...

6. Tổng kinh phí được phê duyệt:..... đồng

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước:..... đồng
- Ngoài ngân sách nhà nước[2]:..... đồng

7. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát:.....
- Các mục tiêu cụ thể:.....

8. Thời điểm báo cáo:.....

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI (đến thời điểm báo cáo)

STT	Nội dung	Kết quả đạt được	Tỷ lệ (%) hoàn thành	Ghi chú
1	Số nhiệm vụ đã phê duyệt	...	...	...
2	Số nhiệm vụ đang thực hiện	...	...	...

[1] Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

[2] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

STT	Nội dung	Kết quả đạt được	Tỷ lệ (%) hoàn thành	Ghi chú
3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	...	...	...
4	Số nhiệm vụ chấm dứt hoặc tạm dừng (*ghi theo hiện trạng triển khai*)	...	...	...
5	Tỷ lệ giải ngân kinh phí	...	...	...
6	Các hoạt động hỗ trợ, hội thảo, đào tạo, chuyển giao	...	...	...

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ *(đến thời điểm báo cáo)*

1. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ:... đồng.

2. Kinh phí do cơ quan quản lý nhiệm vụ tài trợ:... đồng

- Đã cấp:... (...%);

- Đã sử dụng:... (...%).

3. Kính phí ngoài ngân sách nhà nước:....

4. Cơ cấu sử dụng kinh phí:

IV. KẾT QUẢ, SẢN PHẨM ĐẠT ĐƯỢC (đến thời điểm báo cáo)

STT	Nhóm kết quả/sản phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Bài báo, ấn phẩm khoa học....	...	...
2	Giải pháp, quy trình, mô hình, phần mềm...	...	...
3	Sản phẩm ứng dụng, thương mại hóa,...	...	...
4	Sở hữu trí tuệ (*sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng, phần mềm đăng ký*)	...	...
5	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN	...	...
6	Hoạt động hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ	...	...
7	Khác		

V. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP *(đến thời điểm báo cáo)*

1. Mức độ đạt được các mục tiêu:

- Đạt ☐ Một phần ☐ Chưa đạt ☐ Vượt ☐

- Nhận xét chi tiết:.....

2. Đánh giá hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện:.....

3. Hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động:.....

4. Tồn tại, hạn chế và rủi ro (*nếu có*):.....

5. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế và biện pháp quản trị rủi ro:.....

6. Bài học kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện:.....

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về cơ chế, chính sách:.....

2. Về phương án triển khai tiếp theo hoặc kết thúc chương trình:.....

3. Về các vấn đề cần điều chỉnh, gia hạn:.....

VII. KẾT LUẬN CHUNG

1. Tổng hợp kết quả (*nêu ngắn gọn tỷ lệ hoàn thành, sản phẩm nổi bật, tác động nổi bật)*:.....

2. Đề xuất hướng tiếp tục triển khai hoặc kết thúc chương trình:.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ TRÌ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

BM-05

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

DỰ THẢO NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẶC BIỆT/NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại hình nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt[1] ☐

- Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược[2] ☐

2. Cơ quan đề xuất:.....

II. THÔNG TIN CỤ THỂ

1. Tên nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo[3]:.....

2. Tóm tắt tính cấp thiết (*căn cứ triển khai*), **tính mới, tính khả thi:**.....

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu tổng quát:.....

3.2. Mục tiêu cụ thể:.....

4. Nội dung (*các nội dung chính hướng đến giải quyết các vấn đề KH, CN&ĐMST cấp thiết của ngành, lĩnh vực, địa phương*):.....

5. Yêu cầu đối với sản phẩm, chỉ tiêu đánh giá (*sản phẩm đầu ra chính và các chỉ tiêu chất lượng*):.....

---

[1] Đáp ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[2] Đáp ứng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[3] Ghi đầy đủ, phù hợp với loại hình nhiệm vụ tại khoản 1, Mục I Biểu mẫu này.

6. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và dự kiến hiệu quả và tác động[4]:.....

7. Cơ quan chủ trì quản lý nhiệm vụ (*dự kiến*):.....

8. Cơ quan phối hợp và phương án hợp tác quốc tế (*nếu có*):.....[5]

9. Thời gian thực hiện:..... tháng (*từ..... đến.....*).

10. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện:..... đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:.....%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[6]:.....%.

11. Cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù *(nêu chi tiết về cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù):*.....

....., ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN ĐỀ XUẤT
(Ký tên, đóng dấu)

[4] Đánh giá về dự kiến hiệu quả, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

[5] Nêu rõ đối tác, nội dung hợp tác, phạm vi thực hiện, cơ chế phối hợp.

[6] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

BM-06

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẶC BIỆT/NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC[1]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:.....

2. Cơ quan đề xuất:.....

3. Cơ quan chủ trì quản lý nhiệm vụ (dự kiến):.....

4. Cơ quan phối hợp và phương án hợp tác quốc tế (nếu có):.....[2]

5. Thời gian thực hiện:..... tháng (*từ..... đến.....*).

6. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện:..... tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:.....%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[3]:.....%.

7. Cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù *(nêu chi tiết về cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù):*.....

II. NỘI DUNG

1. Tính cấp thiết[4] (*nêu rõ các căn cứ triển khai; phân tích hiện trạng, vấn đề cần giải quyết; sự phù hợp về các căn cứ, nguyên tắc và tiêu chí xây dựng; phân tích tính mới*):.....

2. Mục tiêu (*nêu rõ mục tiêu tổng quát và cụ thể; các chỉ tiêu đạt được*):.....

---

[1] Ghi đầy đủ, phù hợp với loại hình nhiệm vụ đã đăng ký tại Biểu mẫu dự thảo nhiệm vụ quy định tại Thông tư này.

[2] Nêu rõ đối tác, nội dung hợp tác, phạm vi thực hiện, cơ chế phối hợp.

[3] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

[4] Phù hợp với từng loại hình nhiệm vụ quy định tại Điều 25 và Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Nội dung (*Có thể chia theo các nội dung cụ thể, nêu trọng tâm hướng đến giải quyết các vấn đề KH, CN&ĐMST cấp thiết của ngành, lĩnh vực, địa phương*):…....

.....

4. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá (*dạng sản phẩm, số lượng, cấp độ công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp chuyển giao, chỉ tiêu thương mại hóa, v.v.*):.....

5. Tính khả thi (*đánh giá năng lực tổ chức chủ trì, cơ chế quản lý, bố trí nguồn lực, khả năng phối hợp; yếu tố pháp lý và kỹ thuật bảo đảm thực hiện*):.....

6. Phương án tổ chức triển khai *(nêu rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan trong việc triển khai chương trình/nhiệm vụ):*.....

7. Khả năng thương mại hóa (*chỉ rõ điểm mới về công nghệ, sản phẩm, quy trình, mô hình tổ chức; khả năng ứng dụng và thương mại hóa trong thực tiễn*):

.....

8. Dự kiến hiệu quả và tác động[5]:.....

....., ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN ĐỀ XUẤT
(Ký tên, đóng dấu)

[5] Đánh giá về dự kiến hiệu quả, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

BM-07

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ[1]....

Kính gửi:..... (*Cơ quan đề xuất nhiệm vụ*)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:.....

2. Loại hình:

☐ Nhiệm vụ KH, CN&ĐMST đặc biệt

☐ Nhiệm vụ KH, CN&ĐMST phát triển công nghệ chiến lược

3. Cơ quan đề xuất:.....

4. Cơ quan phối hợp và phương án hợp tác quốc tế *(nếu có)***:**.....

5. Thời gian thực hiện dự kiến:..... năm (từ... đến...).

6. Cơ quan thẩm định:.....

7. Căn cứ thẩm định:

- Luật KH, CN&ĐMST năm 2025;

- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ;

- Các văn bản khác:.....

- Hồ sơ thẩm định do cơ quan đề xuất gửi (*văn bản đề nghị, dự thảo nhiệm vụ, thuyết minh, ý kiến tham gia (nếu có)...*).

II. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH[2]

1. Thành lập Hội đồng thẩm định:

- Quyết định số... ngày... của... về việc thành lập Hội đồng thẩm định.

- Thành phần: Chủ tịch, ủy viên, thư ký (*ghi rõ họ tên, cơ quan công tác*).

a) Hình thức thẩm định:

☐ Họp trực tiếp/trực tuyến/kết hợp:

☐ Lấy ý kiến bằng văn bản

b) Thời gian và địa điểm họp thẩm định:.....

[1] Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược.

[2] Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Tài liệu thẩm định:

- Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đề xuất;

- Dự thảo Chương trình;

- Thuyết minh Chương trình;

- Các văn bản góp ý, phản biện độc lập trong quá trình xây dựng chương trình và giải trình tiếp thu của cơ quan đề xuất (*nếu có*);

- Tài liệu khác (*nếu có*).

III. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Tính cần thiết và cơ sở pháp lý của nhiệm vụ

- Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, chương trình quốc gia, nghị quyết của Chính phủ, định hướng của Bộ KH&CN:.....

- Tính cấp thiết, vấn đề KH, CN&ĐMST cần giải quyết; căn cứ khoa học và thực tiễn:.....

- Sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí xây dựng nhiệm vụ[3]:.....

2. Mục tiêu, phạm vi và nội dung

- Mục tiêu tổng quát và cụ thể rõ ràng, định lượng, có khả năng đo lường:.....

- Phạm vi, đối tượng, lĩnh vực ưu tiên phù hợp với mục tiêu phát triển ngành/lĩnh vực/quốc gia:.....

- Cấu trúc nội dung (sự phù hợp của các nội dung chính):.....

3. Kết quả, sản phẩm và tác động dự kiến

- Các sản phẩm KH, CN&ĐMST chính (*công nghệ, sáng chế, mô hình, tiêu chuẩn, chính sách...*):.....

- Tác động dự kiến: kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh - quốc phòng:.....

- Khả năng lan tỏa, thương mại hóa, ứng dụng thực tiễn:.....

4. Phương thức tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì quản lý chương trình:.....

- Trình tự tuyển chọn, giao nhiệm vụ:.....

---

[3] Tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt cần đáp ứng theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

- Yêu cầu và điều kiện đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược cần đáp ứng theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

5. Cơ chế thực hiện

- Cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù *(nêu chi tiết về cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù*):.....

- Cơ chế phối hợp (nếu có):.....

6. Kinh phí và nguồn lực thực hiện

- Dự kiến tổng kinh phí:..... đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:.....%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[4]:.....%.

- Đánh giá tính khả thi và hiệu quả sử dụng ngân sách:.....

7. Cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá

- Hệ thống chỉ tiêu đầu ra, tiêu chí đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ:.....

- Phương án tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, báo cáo kết quả:.....

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ký tên, đóng dấu)

[4] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

BM-08

CƠ QUAN CHỦ TRÌ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẶC BIỆT/ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:.....

2. Loại hình nhiệm vụ:.....

3. Cơ quan chủ trì quản lý nhiệm vụ:.....

4. Quyết định phê duyệt: Số.../QĐ-... ngày.../.../.....

5. Thời gian thực hiện: từ.../.../... đến.../.../.....

6. Tổng kinh phí được phê duyệt:..... đồng

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:..... đồng
- Ngoài ngân sách nhà nước[1]:..... đồng

7. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát:.....
- Mục tiêu cụ thể:.....

8. Thời điểm báo cáo:.....

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI *(đến thời điểm báo cáo)*

STT	Nội dung	Kết quả đạt được	Tỷ lệ (%) hoàn thành	Ghi chú
1	Số nhiệm vụ đã phê duyệt	...	...	...
2	Số nhiệm vụ đang thực hiện	...	...	...

[1] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

STT	Nội dung	Kết quả đạt được	Tỷ lệ (%) hoàn thành	Ghi chú
3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	...	...	...
4	Số nhiệm vụ chấm dứt hoặc tạm dừng (ghi theo hiện trạng triển khai)	...	...	...
5	Tỷ lệ giải ngân kinh phí	...	...	...
6	Các hoạt động hỗ trợ, hội thảo, đào tạo, chuyển giao	...	...	...

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ *(đến thời điểm báo cáo)*

1. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ:... đồng.

2. Kinh phí do cơ quan quản lý nhiệm vụ tài trợ:... đồng

- Đã cấp:..... (...%)

- Đã sử dụng:..... (...%)

3. Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước:.....

4. Cơ cấu sử dụng kinh phí:.....

IV. KẾT QUẢ, SẢN PHẨM ĐẠT ĐƯỢC (đến thời điểm báo cáo)

STT	Nhóm kết quả/sản phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Bài báo, ấn phẩm khoa học....	...	...
2	Giải pháp, quy trình, mô hình, phần mềm...	...	...
3	Sản phẩm ứng dụng, thương mại hóa,...	...	...
4	Sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng, phần mềm đăng ký)	...	...
5	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN	...	...
6	Hoạt động hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ	...	...
7	Khác		

V. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP *(đến thời điểm báo cáo)*

1. Mức độ đạt được các mục tiêu:

- Đạt ☐ Một phần ☐ Chưa đạt ☐ Vượt ☐

- Nhận xét chi tiết:.....

2. Đánh giá hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện:.....

3. Hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động:.....

4. Tồn tại, hạn chế và rủi ro (*nếu có*):.....

5. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế và biện pháp quản trị rủi ro:.....

6. Bài học kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện:.....

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về cơ chế, chính sách:.....

2. Về phương án triển khai tiếp theo hoặc kết thúc nhiệm vụ:.....

3. Về các vấn đề cần điều chỉnh, gia hạn:.....

VII. KẾT LUẬN CHUNG

1. Tổng hợp kết quả (*nêu ngắn gọn tỷ lệ hoàn thành, sản phẩm nổi bật, tác động nổi bật*):.....

2. Đề xuất hướng tiếp tục triển khai hoặc kết thúc nhiệm vụ:.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ TRÌ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

BM-09

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ KH, CN&ĐMST)

Căn cứ kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của..., chúng tôi đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ với các thông tin sau:

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ[1]:.....

Thuộc lĩnh vực:

Khoa học tự nhiên	☐	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	☐
Khoa học y, dược	☐	Khoa học nông nghiệp	☐
Khoa học xã hội	☐	Khoa học nhân văn	☐
Công nghệ chiến lược	☐		

2. Loại hình nhiệm vụ[2]:

2.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ[3]:

- Nghiên cứu cơ bản ☐ Nghiên cứu ứng dụng ☐
- Phát triển công nghệ ☐ Phát triển giải pháp xã hội ☐

2.2. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế ☐

2.3. Nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ ☐

3. Hình thức triển khai

3.1. Nhiệm vụ: ☐

- Thực hiện theo hình thức liên kết ☐
- Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư ☐
- Không thuộc 02 trường hợp trên ☐

---

[1] Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: liệt kê tên các nhiệm vụ thành phần trong cụm, chuỗi nhiệm vụ.

[2] Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: có thể lựa chọn các loại hình phù hợp với các nhiệm vụ thành phần trong cụm, chuỗi nhiệm vụ.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

3.2. Cụm nhiệm vụ: ☐

- Thực hiện theo hình thức liên kết ☐
- Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư ☐
- Không thuộc 02 trường hợp trên ☐

3.3. Chuỗi nhiệm vụ[4]: ☐

- Thực hiện theo hình thức liên kết ☐
- Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư ☐
- Không thuộc 02 trường hợp trên ☐

4. Hình thức xét: ☐ Tài trợ ☐ Đặt hàng

5. Tổ chức chủ trì[5]:

Tên:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Email:..... Website:.....

6. Người đại diện theo pháp luật

Họ tên:..... Chức vụ:.....

6.1. Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐

6.2. Thông tin về tổ chức đề xuất

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐

7. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ[6]:

- Nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo[7] ☐

---

[4] Yêu cầu có Thuyết minh tổng quát theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 (Biểu mẫu BM-07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

[5] Đối với chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì cần đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

Đối với cụm nhiệm vụ, cần liệt kê các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc cụm.

[6] Đối với cụm nhiệm vụ, cần liệt kê các cá nhân chủ trì các nhiệm vụ thuộc cụm.

[7] Theo quy định tại Điều 54 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

- Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng[8] ☐

- Không thuộc hai trường hợp trên ☐

Họ tên:..... Học hàm, học vị:.....

Đơn vị công tác:..... Email:..... Điện thoại:.....

Lý lịch cá nhân đăng ký chủ nhiệm:

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐

8. Tổng kinh phí đề xuất..... đồng,

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:.....%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[9]:.....%.

9. Thời gian thực hiện:..... tháng (*từ..... đến.....*)

10. Hồ sơ kèm theo (*liệt kê các hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025*):.....

11. Cam kết của đơn vị chủ trì về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin được cung cấp tại thuyết minh nhiệm vụ (*kèm theo*):.....

12. Mối liên kết giữa các nhiệm vụ thuộc cụm/chuỗi *(nếu có)*.....[10]

..., ngày... tháng... năm 20...

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC[11]

ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

KH, CN&ĐMST

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

---

[8] Quy định tại Điều 55 Luật KH, CN&ĐMST năm 2025; Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

[9] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

[10] Nêu rõ mối liên kết giữa các nhiệm vụ nhằm hoàn thành mục tiêu chung của chuỗi hoặc giải quyết chung một vấn đề của cụm…

[11] Đối với cụm nhiệm vụ: ngoài đơn chung của cụm, cần có đơn đại diện của từng nhiệm vụ thuộc cụm.

BM-10

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO[1]

1. Tên nhiệm vụ/nhiệm vụ thành phần thuộc cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.....

2. Loại hình và hình thức triển khai[2]

3. Thời gian thực hiện:..... tháng (*từ..... đến.....*)

4. Tổng kinh phí đề xuất:..... đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:.....%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[3]:.....%.

5. Đề nghị phương thức khoán chi

☐ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	☐ Khoán chi từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán:..... triệu đồng - Kinh phí không khoán:..... triệu đồng

6. Chủ nhiệm nhiệm vụ

- Nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo[4] ☐

- Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng[5] ☐

- Không thuộc hai trường hợp quy định ở trên ☐

---

[1] Ngoài các quy định chung tại biểu mẫu này, đối với các loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế; các nhiệm vụ thành phần thuộc cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ thực hiện theo hình thức liên kết, hợp tác công tư, thuyết minh cần đáp ứng các yêu cầu cụ thể quy định tại khoản 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

[2] Ghi theo đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

[3] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

[4] Theo quy định tại Điều 54 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

[5] Theo quy định tại Điều 55 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

Họ và tên:..... Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Chức danh nghề nghiệp[6]:..... Chức vụ.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

7. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ[7]

7.1. Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ:.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

7.2. Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức chủ trì

- Nêu tóm tắt các kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất, công nghệ, các công trình, dự án đã thực hiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu (*không quá ½ trang A4*):.....

- Đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ (*Trình bày năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ chính, không quá 01 trang A4*):.....

8. Các tổ chức phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ (nếu có)

8.1. Tên tổ chức 1:.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

8.2. Tên tổ chức 2:.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

---

[6] Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

[7] Đối với chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì cần đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

9. Tính cấp thiết (*Luận giải chi tiết về tính cấp thiết của nhiệm vụ*)

10. Mục tiêu (*Mục tiêu chung/mục tiêu cụ thể*)

11. Nội dung và phương pháp thực hiện (*Liệt kê các nội dung, công việc chính của nhiệm vụ, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung nghiên cứu hoặc hoạt động sản xuất thử nghiệm (nếu có)...)*

12. Kết quả dự kiến

(Kết quả/sản phẩm chính dự kiến đạt được của nhiệm vụ và yêu cầu về số lượng và khoa học cần đạt)

12.1. Công bố khoa học

Số TT	Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác	Số lượng	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	Trong nước			
...				
2	Quốc tế			
...				

12.2. Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật; báo cáo nghiên cứu khả thi; báo cáo tư vấn chính sách và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
1			
...			

12.3. Mẫu (model, maket); sản phẩm (là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường); vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi và các loại khác.

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/ quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (Theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1						
...						

12.4. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các loại hình khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
1			
...			

12.5. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học (nếu có)

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1				
...				

13. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu
(Phương thức, địa chỉ ứng dụng, chuyển giao kết quả nhiệm vụ; khả năng thị trường; phương án thương mại hóa; phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nhiệm vụ (nếu có))

.....

14. Dự kiến hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ

14.1. Đánh giá về dự kiến hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ[8]:.....

14.2. Đánh giá về dự kiến tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ[9]:.....

15. Dự toán kinh phí thực hiện

(Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

[8] Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

[9] Đánh giá dựa trên sự phù hợp của kết quả theo nội dung và tiêu chí quy định các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

STT	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phân theo các khoản chi														
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
			Thù lao thực hiện nhiệm vụ; thuê chuyên gia (*nếu có*)*	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật*	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản*	Công tác tổ chức, tham gia hội nghị i*	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn	Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài	Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ	Công tác quản lý chung nhiệm vụ (*bằng 5% tổng kinh phí thực hiện*)	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng kinh phí														
	Trong đó:														
1.1	*Ngân sách nhà nước:* *a. Kinh phí khoán chi:* *b. Kinh phí không khoán chi:*														
1.2	*Nguồn ngoài ngân sách nhà nước*														

* *Quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ*

16. Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát

(xác định, phân tích, đánh giá mức độ tác động và đề xuất biện pháp quản lý, kiểm soát, ứng phó đối với các loại rủi ro có thể xảy ra theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025):.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ **(Ký, ghi rõ họ tên)**	**Đại diện tổ chức chủ trì** **(Ký tên, đóng dấu)**

BM-11

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TỔNG QUÁT CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO[1]

(Không quá 10 trang A4)

1. Tổ chức chủ trì chuỗi nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ:.....

Mã số tổ chức:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

2. Chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2.1. Tên chuỗi nhiệm vụ:.....

2.2. Mục tiêu:.....

2.3. Dự kiến kết quả:.....

3. Nhiệm vụ thành phần thuộc chuỗi nhiệm vụ

3.1. Tên nhiệm vụ thành phần 01:.....

- Mục tiêu:.....
- Dự kiến kết quả:.....

3.2. Tên nhiệm vụ thành phần 02:.....

- Mục tiêu:.....
- Dự kiến kết quả:.....

3.3. Tên nhiệm vụ thành phần 03:.....

- Mục tiêu:.....
- Dự kiến kết quả:.....

[1] Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 3 và khoản 6 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

4. Mối liên kết giữa các nhiệm vụ thành phần nhằm đạt được mục tiêu chung của chuỗi nhiệm vụ bao gồm thời gian, tiến độ thực hiện:.....

5. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá (*dạng sản phẩm, số lượng, cấp độ công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp chuyển giao, chỉ tiêu thương mại hóa, v.v.*):.....

6. Khả năng thương mại hóa (*chỉ rõ điểm mới về công nghệ, sản phẩm, quy trình, mô hình tổ chức; khả năng ứng dụng và thương mại hóa trong thực tiễn*):.....

7. Dự kiến hiệu quả và tác động (*đối với phát triển KH,CN&ĐMST; tác động đến ngành/lĩnh vực kinh tế - xã hội, môi trường, an ninh - quốc phòng, hội nhập quốc tế...*):.....

8. Tổng kinh phí đề xuất..... đồng,

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:.....%.

- Ngoài ngân sách nhà nước[2]:.....%.

Đại diện tổ chức chủ trì
(Ký tên, đóng dấu)

[2] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

BM-12

VĂN BẢN CAM KẾT PHỐI HỢP/ĐỒNG TÀI TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO[1]

Kính gửi: (*Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST*)

- Căn cứ thông báo kế hoạch tài trợ/đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của...;

- Căn cứ đơn đăng ký chủ trì nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ KH, CN&ĐMST;

Chúng tôi gồm các bên dưới đây thống nhất ký Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ:

1. Tổ chức đăng ký chủ trì:.....

2. Tổ chức phối hợp/đồng tài trợ[2]:.....

3. Nội dung cam kết phối hợp/đồng tài trợ:

- Đối với cam kết phối hợp: (*nêu rõ các hoạt động phối hợp)*

- Đối với cam kết về đồng tài trợ: (*cần có hợp đồng tài trợ, minh chứng về tài chính*).

Các bên cam kết thực hiện đầy đủ nội dung phối hợp/đồng tài trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của thông tin.

ĐẠI DIỆN CÁC BÊN KÝ KẾT

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ	**TỔ CHỨC PHỐI HỢP/ĐỒNG TÀI TRỢ[3]**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)*

[1] Quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[2] Liệt kê tên các tổ chức đồng tài trợ (trường hợp có nhiều tổ chức).

[3] Trường hợp có nhiều tổ chức đồng tài trợ, các tổ chức đồng tài trợ cùng ký và xác nhận.

BM-13

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

(*Áp dụng đối với phiên họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*[1])

Kính gửi: "*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*"

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-..... ngày... tháng... năm 20... về việc thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Biên bản họp đánh giá của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày... tháng... năm...;

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác[2] (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến kết luận tại Biên bản họp Hội đồng	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...	....		

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

[1] Quy định tại điểm e khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 (*Ghi đầy đủ tên của báo cáo giải trình, tiếp thu phù hợp với tên của phiên họp*).

[2] Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của hội đồng thì giải trình.

BM-14

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(*Áp dụng đối với phiên họp Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ*)

Kính gửi: "*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*"....

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm 20... về việc thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo';

Căn cứ Biên bản họp thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày.... tháng.... năm.....;

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Tổ thẩm định và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác[1] (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến tại Biên bản họp thẩm định	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...	....		

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

[1] Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của Tổ thẩm định thì giải trình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

(Biểu mẫu này được hoàn thiện và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi[1]	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước[2]								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ...		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ..
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	...	...				
1	Chi thù lao thực hiện nhiệm vụ													
2	Thuê chuyên gia: - Trong nước - Nước ngoài													
3	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật													

[1] Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ

[2] Trong trường hợp có nguồn ngân sách từ địa phương tách thành 2 phần: Ngân sách trung ương (NSTW) và Ngân sách địa phương (NSĐP)

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ...		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ..
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	...	...				
4	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản													
5	Công tác tổ chức, tham gia hội nghị													
6	Dịch vụ thuê ngoài													
7	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu													
8	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn													
9	Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế													
10	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ													
11	Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài													
12	Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ													
13	Công tác quản lý chung nhiệm vụ													
14	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ													
	Tổng cộng													

DỰ TOÁN CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 1: Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung	Số tháng quy đổi	Đơn giá theo định mức*	Thành tiền	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	**Nội dung 1**					
	Thành viên*					
	.....					
2	**Nội dung 2**					
	Thành viên*					
	.....					
...	...					

* Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và định mức theo quy định tại Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Bảng 2. Thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức thù lao tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
...									
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
...									

Bảng 3. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*bao gồm cả chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Tổng số	Các căn cứ xây dựng định mức *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác...)*
1	**Nội dung 1:**				
2	**Nội dung 2:**				
...	...				

Bảng 4. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách Nhà nước	Ngoài Ngân sách Nhà nước
I	**Thuê thiết bị** (*ghi tên thiết bị, thời gian thuê*)					
	.....					
II	**Thiết bị công nghệ mua mới**					
	.....					
III	**Vận chuyển lắp đặt**					
IV	**Bảo dưỡng, sữa chữa**					
Cộng						

Bảng 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn										Các căn cứ xây dựng định mức *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác...)*
			Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Khoán chi	Năm thứ hai	Khoán chi	Năm thứ...	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	
1	Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ												
2	Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ												

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn										Các căn cứ xây dựng định mức *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác...)*
			Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Khoán chi	Năm thứ hai	Khoán chi	Năm thứ...	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	
3	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ												
4	Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ												
5	Phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế												
6	Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ												

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn										Các căn cứ xây dựng định mức *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác...)*
			Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Khoán chi	Năm thứ hai	Khoán chi	Năm thứ...	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	
7	Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ												
8	Chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ												
9	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ												
	Cộng:												

BM-16

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH,CN&ĐMST

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi[1]	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước[2]								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ...		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	...	...				
1	*2*	*3*	*4=(6+8+10)*	*5=(7+9+11)*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Chi thù lao thực hiện nhiệm vụ													
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài													
3	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật													

[1] Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

[2] Trong trường hợp có nguồn ngân sách từ địa phương tách thành 2 phần: Ngân sách trung ương (NSTW) và Ngân sách địa phương (NSĐP).

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ...		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	...	...				
1	*2*	*3*	*4=(6+8+10)*	*5=(7+9+11)*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
4	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản													
5	Công tác tổ chức, tham gia hội nghị													
6	Dịch vụ thuê ngoài													
7	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu													
8	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn													
9	Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế													

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ...		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	...	...				
1	*2*	*3*	*4=(6+8+10)*	*5=(7+9+11)*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
10	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ													
11	Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài													
12	Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ													
13	Công tác quản lý chung nhiệm vụ													
14	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ													
	Tổng cộng													

Khoản 1. Chi thù lao, nguyên vật liệu, năng lượng thực hiện nhiệm vụ

1.1. Chi thù lao

Đơn vị tính: triệu đồng

TT		Công lao động						Tổng công lao động		
		Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước					
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
1	*2*				*7=3x5x6*	*8*	*9*	*10*	*11*	
I	**Nội dung nghiên cứu**									
1	**Nội dung 1**									
	Công việc 1.1									
	Thành viên*									
	.....									
	Công việc 1.2									
	Thành viên*									
	.....									
	...									

* Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

TT		Công lao động						Tổng công lao động		
		Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước					
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
2	**Nội dung 2**									
	Công việc 1.1									
	Thành viên*									
	.....									
	Công việc 1.2									
	Thành viên*									
	.....									
...	.....									

1.2. Chi nguyên vật liệu, năng lượng

TT	Nội dung chi	Nguyên vật liệu, năng lượng							Tổng nguyên vật liệu, năng lượng theo năm		
		Tổng số	Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước					
			Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	**Nội dung nghiên cứu**										
1	**Nội dung 1**										

TT	Nội dung chi	Nguyên vật liệu, năng lượng							Tổng nguyên vật liệu, năng lượng theo năm		
		Tổng số	Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước					
			Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
	Công việc 1.1										
	Công việc 1.2										
	.....										
2	**Nội dung 2**										
	Công việc 1.1										
	Công việc 1.2										
...	.....										

*** Các căn cứ xây dựng định mức** *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác...)*

Khoản 2. Thuê chuyên gia

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức thù lao tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
...									

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức thù lao tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
...									

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện nhiệm vụ[3]**											
	.....											
	.....											

[3] Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	**Tổng**	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
II	**Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến**											
	.....											
III	**Khấu hao thiết bị**[4]											
VI	**Thuê thiết bị** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
	.....											
IV	**Thiết bị công nghệ mua mới**											
	.....											
V	***Vận chuyển lắp đặt***											
VI	**Bảo dưỡng, sữa chữa**											
Cộng												

[4] Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Chi phí xây dựng..... m^2 nhà xưởng, PTN									
2	Chi phí sửa chữa..... m^2 nhà xưởng, PTN									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước									
4	Chi phí khác									
	Cộng:									

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn										Các căn cứ xây dựng định mức *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác...)*
			Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Khoán chi	Năm thứ hai	Khoán chi	Năm thứ...	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	
1	Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
2	Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn										Các căn cứ xây dựng định mức *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác...)*
			Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Khoán chi	Năm thứ hai	Khoán chi	Năm thứ...	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	
3	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
4	Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
5	Phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế												
6	Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn										Các căn cứ xây dựng định mức *(Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác...)*
			Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Khoán chi	Năm thứ hai	Khoán chi	Năm thứ...	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	
7	Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
8	Chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
9	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
	Cộng:												

BM-17

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-...	

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...[1] bắt đầu thực hiện từ năm 20...

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ....[2];

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét báo cáo kết quả xét chọn/đặt hàng, biên bản thẩm định kinh phí nhiệm vụ. Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức chủ trì, nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Tên nhiệm vụ: "....."

Mã số nhiệm vụ (*nếu có*):.....

Tổ chức chủ trì:.....

Mục tiêu, nội dung chính:.....

Sản phẩm

Tổng kinh phí thực hiện:..... đồng (bằng chữ:.....).

---

[1] Ghi tên chương trình, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ (nếu có).

[2] Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:..... %.

- Ngoài ngân sách nhà nước[3]:..... %.

Kinh phí khoán chi:.....

Phương thức khoán chi: (*khoán toàn bộ/khoán từng phần*) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Nội dung được phép khoán chi:.....

Dự kiến sản phẩm đầu ra:.....

Thời gian thực hiện:..... tháng (*kể từ ngày ký hợp đồng*).

Điều 2. Giao [đơn vị quản lý nhiệm vụ] chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức chủ trì ký Hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Thủ trưởng tổ chức chủ trì, Thủ trưởng [đơn vị quản lý nhiệm vụ] và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
-.....;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ
(Ký tên và đóng dấu)

[3] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

BM-18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

HỢP ĐỒNG GIAO NHIỆM VỤ
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
(Loại hình nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ:...)
Số:.....

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số.../TT-BKHCN ngày... tháng... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ ngày... của (Cơ quan quản lý nhiệm vụ) về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên tài trợ/đặt hàng (Bên A): (*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*)

- Đại diện là Ông/Bà:...
- Chức vụ:.... (*theo Văn bản ủy quyền số.... (nếu có)*)
- Địa chỉ:....
- Điện thoại:....
- Số tài khoản:.... Tại.....
- Mã số sử dụng ngân sách:....

2. Bên nhận tài trợ/đặt hàng (Bên B): (*tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ*)

- Đại diện là Ông/Bà:
- Chức vụ: (theo Văn bản ủy quyền số....)
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Tên giao dịch tại Kho bạc:
- Số tài khoản: Tại:
- Mã số sử dụng ngân sách:

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng giao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Hợp đồng giao nhiệm vụ) với các điều khoản sau:

Điều 1. Tài trợ/đặt hàng thực hiện nhiệm vụ

Bên A tài trợ/cấp kinh phí để Bên B thực hiện nhiệm vụ: "....."

Mã số (*nếu có*)....., với các nội dung sau:

- Tiến độ thực hiện (*theo các nội dung, công việc, sản phẩm trung gian, kinh phí thực hiện*)[1];
- Kết quả đầu ra/sản phẩm của nhiệm vụ;

Điều 2. **Thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ**

Thời gian thực hiện nhiệm vụ:... tháng, từ... đến....

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Tổng kinh phí bên A tài trợ/cấp kinh phí để bên B thực hiện nhiệm vụ (Giá trị hợp đồng) là:... đồng (*bằng chữ:*.....), trong đó:

+ Kinh phí được giao khoán:..... (bằng chữ.....).

+ Kinh phí không được giao khoán:..... (bằng chữ.....).

2. Phương thức khoán chi (theo quy định tại...):....

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình quản lý nhiệm vụ;

[1] Đối với các nhiệm vụ có sản phẩm có thể thương mại hóa trong thời gian sản xuất thử nghiệm bao gồm cả sản xuất thử nghiệm có kiểm soát, cần nêu rõ số lượng sản phẩm và mức chất lượng đạt được so với Hợp đồng.

b) Cung cấp các thông tin cần thiết cho Bên B trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ;

c) Tổ chức đánh giá trong kỳ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và trên cơ sở kết quả đánh giá trong kỳ, thực hiện việc cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp, kinh phí cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc;

d) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

đ) Trong một số trường hợp theo yêu cầu quản lý và biện pháp quản trị rủi ro, Bên A tiến hành đánh giá đột xuất đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Tổ chức đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

g) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng, quyết toán kinh phí theo quy định pháp luật;

h) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định khác liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

b) Triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và kết quả;

c) Phối hợp với Bên A thực hiện việc đánh giá trong kỳ, đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra, điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ;

d) Kịp thời kiến nghị, đề xuất Bên A về tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

đ) Thực hiện trách nhiệm báo cáo, cập nhật thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu quản lý và biện pháp quản trị rủi ro, Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A thực hiện việc báo cáo và tổ chức triển khai đánh giá;

e) Có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản trang bị, nguyên vật liệu, vật tiêu hao thực hiện nhiệm vụ; thực hiện quyền quản lý, sử dụng, sở hữu, thương mại hóa và phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định pháp luật;

g) Có trách nhiệm quản trị rủi ro theo quy định pháp luật;

h) Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ;

i) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ (nếu có);

k) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí được bên A tài trợ đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả. Quản lý hồ sơ chứng từ theo đúng quy định;

l) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán, thanh tra đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

m) Báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ tối thiểu 01 lần/năm theo biểu mẫu và gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

n) Cập nhật tình hình thực hiện nội dung, công việc, sử dụng nguyên vật liệu theo tiến độ triển khai tối thiểu 01 lần/tháng trên cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; trong trường hợp phát sinh các vấn đề liên quan, tổ chức chủ trì có trách nhiệm gửi kèm báo cáo nêu tại điểm a khoản này kèm theo các kiến nghị;

o) Cam kết về tính chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời của thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong quá trình triển khai nhiệm vụ;

p) Có trách nhiệm bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật;

q) Ghi nhận sự tài trợ của Bên A trong các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được công bố, đăng tải cũng như trong các hoạt động khác liên quan đến nhiệm vụ (trong đó ghi rõ mã số nhiệm vụ (nếu có) và tên cơ quan quản lý nhiệm vụ);

r) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng, quyết toán kinh phí theo quy định pháp luật;

s) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này kết thúc trong các trường hợp sau:

a) Nhiệm vụ đã kết thúc và được đánh giá cuối kỳ, quyết toán kinh phí, hoàn thành các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo quy định (nếu có).

b) Nhiệm vụ đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hợp đồng, quyết toán kinh phí, hoàn thành các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo quy định (nếu có) khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

- Bên B bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Bên B không nộp Hồ sơ đánh giá cuối kỳ trong thời hạn được quy định.

- Nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do Bên A không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng, hoặc không giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý tài chính khi kết thúc hợp đồng được thực hiện theo quy định hiện hành, Bên B hoàn trả kinh phí (nếu có) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Điều khoản khác

(*Nội dung của điều khoản được lập theo yêu cầu quản lý nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhiệm vụ tại thời điểm ký kết do hai bên thỏa thuận*).

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

2. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng và điều khoản thi hành

Hợp đồng này gồm..... trang và có hiệu lực từ ngày.... Hợp đồng này được lập thành.... bản và có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**

BM-19

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

(Áp dụng cho đánh giá trong kỳ)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:.....

2. Mã số (nếu có):.....

3. Loại hình nhiệm vụ:.....

Thuộc chương trình/mã số (nếu có):.../...

Thuộc cụm/chuỗi nhiệm vụ (nếu có):...

4. Tổ chức chủ trì:.....

5. Chủ nhiệm:.....

6. Thời gian thực hiện: từ.../.../... đến.../.../... đã được gia hạn đến.../.... (nếu có).

7. Tổng kinh phí:..... đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:..... %.

- Ngoài ngân sách nhà nước[1]:..... %.

8. Thời điểm báo cáo:.....

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO TIẾN ĐỘ

1. Các nội dung nghiên cứu

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Mức độ hoàn thành	Ghi chú
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...

[1] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

- Số nội dung/hoạt động đã hoàn thành:.../... (đạt...%)

- Các nội dung chậm tiến độ (nếu có):...

- Nguyên nhân:...

2. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu *(hội thảo, hợp tác, khảo sát, thử nghiệm...):*

- Hoạt động 1:... (*thời gian, kết quả*)

- Hoạt động 2:...

3. Cam kết việc thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai (trong đó bao gồm việc cập nhật tình hình thực hiện nội dung, công việc, sử dụng nguyên vật liệu theo tiến độ triển khai tối thiểu 01 lần/tháng trên cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia)

□ Đã thực hiện

□ Chưa thực hiện

III. KẾT QUẢ/SẢN PHẨM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả/sản phẩm

STT	Tên kết quả/sản phẩm	Loại (trung gian/ cuối cùng)	Mức độ hoàn thành	Minh chứng kèm theo
1	...	...	...	...
...	...	...	...	...

2. Kết quả công bố, đào tạo

a) Kết quả công bố/Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

TT	Tên kết quả công bố/ văn bằng bảo hộ	Loại hình	Tình trạng	Thời điểm công bố (nếu có)	Ghi chú
1					
...					

b) Kết quả đào tạo:

TT	Tên học viên cao học/ nghiên cứu sinh	Trình độ (ThS/NCS)	Tình trạng	Thời điểm hoàn thành đạo tạo (nếu có)	Ghi chú
1					
...					

3. Tổng hợp kết quả nhiệm vụ:

- Đã hoàn thành...../..... kết quả/sản phẩm trung gian, sản phẩm cuối cùng theo kế hoạch.

- Kết quả công bố, đào tạo đã đạt được so với đăng ký:

+ Loại kết quả/sản phẩm (*số lượng đạt được/số lượng đăng ký*):.../...

+...

- Các kết quả/sản phẩm chậm tiến độ (*nếu có*):.....

- Nguyên nhân chậm tiến độ (*nếu có*):.....

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ:... đồng.

2. Kinh phí do cơ quan quản lý nhiệm vụ tài trợ:... đồng

- Đã cấp:... (...%)

- Đã sử dụng:... (...%)

3. Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước:....

4. Cơ cấu sử dụng kinh phí

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Tổng kinh phí	Sử dụng từ nguồn NSNN	Sử dụng từ nguồn khác	Ghi chú
1	Thù lao	...	...	...	...
2	Nguyên vật liệu, thiết bị	...	...	...	...
3	Hội nghị, hội thảo, công tác phí	...	...	...	...
4	Dịch vụ thuê ngoài	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...

5. Nhận xét, đánh giá việc sử dụng kinh phí:

-.....

-.....

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ RỦI RO

1. Khó khăn, vướng mắc:

- Vấn đề 1:... (*nêu hiện trạng, nguyên nhân, đề xuất giải pháp*)

- Vấn đề 2:...

2. Rủi ro ảnh hưởng tiến độ/kết quả:

- Rủi ro 1:... (*phương án quản trị rủi ro*)

- Rủi ro 2:...

V. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

STT	Nội dung điều chỉnh	Cơ quan có thẩm quyền	Văn bản điều chỉnh	Ghi chú
1	...	...	...	...
...	**...**	**...**	**...**	**...**

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị thứ nhất:...

2. Đề xuất, kiến nghị thứ 2:...

...

..., ngày... tháng... năm 20...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ	**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên)

BM-20

BỘ CHỦ QUẢN
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ TRONG KỲ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:.....

2. Mã số:.....

3. Loại hình nhiệm vụ:.....

Thuộc chương trình/mã số (nếu có):.../...

Thuộc cụm/chuỗi nhiệm vụ (nếu có):...

4. Tổ chức chủ trì:.....

5. Chủ nhiệm:.....

6. Thời gian thực hiện: từ.../.../... đến.../.../... đã được gia hạn đến.../.... (nếu có).

7. Tổng kinh phí:..... đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:..... %.
- Ngoài ngân sách nhà nước[1]:..... %.

8. Thời điểm đánh giá trong kỳ:.....

9. Đoàn đánh giá trong kỳ được cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập theo Quyết định số... ngày.../.../... của... (*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*)[2].

II. THÀNH PHẦN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Đơn vị công tác	Vai trò trong đoàn
1	...	...	...	Trưởng đoàn
2	...	...	...	Thành viên
...	...	...	...	...

[1] Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

[2] Thành phần theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TRONG KỲ

1. **Hồ sơ được xem xét, gồm:**

- Báo cáo tiến độ và tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo BM-19);
- Các tài liệu, sản phẩm minh chứng;

2. **Đánh giá tiến độ thực hiện:**

- Tổng số nội dung/hoạt động theo kế hoạch:...
- Đã hoàn thành:... (đạt...%)
- Các nội dung chậm tiến độ:...
- Nguyên nhân:...

3. **Đánh giá kết quả, sản phẩm:**

STT	Tên sản phẩm/kết quả	Loại (trung gian/ cuối cùng)	Mức độ hoàn thành	Ghi chú
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...

4. **Đánh giá việc sử dụng kinh phí:**

- Tổng kinh phí được cấp:... đồng (...% kế hoạch);
- Kinh phí đã sử dụng:... đồng (...%);
- Nhận xét về hiệu quả, tính hợp lý:...

5. **Khó khăn, vướng mắc, rủi ro ảnh hưởng tiến độ:**

-...

6. **Nhận xét khác của Đoàn đánh giá:**

-...

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

1. **Đánh giá chung:**

- Tiến độ:

☐ Đúng tiến độ

☐ Chậm tiến độ

☐ Tạm dừng

- Kết quả chuyên môn:

☐ Đạt yêu cầu

☐ Cần bổ sung, hoàn thiện

- Việc sử dụng kinh phí:

☐ Hợp lý

☐ Cần rà soát

- Việc thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai (trong đó bao gồm việc cập nhật tình hình thực hiện nội dung, công việc, sử dụng nguyên vật liệu theo tiến độ triển khai tối thiểu 01 lần/tháng trên cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia)

☐ Đạt yêu cầu

☐ Không đạt yêu cầu

2. **Kiến nghị của Đoàn đánh giá:**

☐ Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ

Lý do:....

☐ Điều chỉnh nội dung/thời gian

Lý do:....

☐ Gia hạn

Lý do:....

☐ Tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ

Lý do:....

V. XÁC NHẬN VÀ CHỮ KÝ

Trưởng đoàn đánh giá

(Ký, ghi rõ họ tên)

Các thành viên Đoàn đánh giá

(Ký, ghi rõ họ tên)

BM-21

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN (nếu có) **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v:.....	*..., ngày... tháng... năm 20....*

ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi: (*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ :.....

Mã số nhiệm vụ:..... Số hợp đồng:..... ngày ký.....

Cơ quan, Tổ chức chủ trì:.....

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: Từ ngày... đến ngày....

Kinh phí được tài trợ/cấp:.....

II. CĂN CỨ ĐỀ NGHỊ

- Căn cứ kết quả đánh giá trong kỳ tại Biên bản số... ngày.../.../... của Đoàn đánh giá trong kỳ (*theo khoản 2 và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP*);

- Căn cứ khoản 6 và khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định về việc đề nghị điều chỉnh hoặc chấm dứt nhiệm vụ;

- Căn cứ tình hình thực tế triển khai và khả năng hoàn thành các mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ.

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

(Đánh dấu và ghi rõ nội dung cần điều chỉnh)

☐ Thay đổi nội dung nghiên cứu:.....

☐ Điều chỉnh tiến độ thực hiện: từ.../.../... đến.../.../... (*gia hạn thêm... tháng*).

☐ Điều chỉnh cơ cấu kinh phí/nội dung chi:.....

☐ Điều chỉnh khác:.....

Lý do điều chỉnh:.....

Phương án tổ chức thực hiện sau điều chỉnh:.....

IV. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Biên bản đánh giá trong kỳ (nếu có) (biểu mẫu BM-20);

2. Báo cáo tiến độ và tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ (biểu mẫu BM-19);

3. Bản thuyết minh nội dung đề nghị điều chỉnh;

4. Các tài liệu, minh chứng liên quan.

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

Tổ chức chủ trì cam kết:

- Việc đề nghị điều chỉnh tuân thủ quy định tại khoản 6, 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của hồ sơ gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ.

Nơi nhận: - Như kính gửi; -.....	**Tổ chức chủ trì** *(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

BM-22

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày..... tháng..... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nội dung điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Hợp đồng giao nhiệm vụ số... ký ngày.../.../... giữa... (Cơ quan quản lý nhiệm vụ) và... (Tổ chức chủ trì);

Căn cứ Công văn số... ngày.../.../... của... (Tổ chức chủ trì) về việc đề nghị điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ;

Căn cứ Biên bản đánh giá trong kỳ ngày.../.../... của Đoàn đánh giá trong kỳ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Hợp đồng số... ký ngày.../.../... giữa... và..., về việc giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Tên nhiệm vụ:.....

Mã số (nếu có):.....

Tổ chức chủ trì:.....

Chủ nhiệm:.....

Nội dung điều chỉnh:

1. Về nội dung:.....

2. Về tiến độ thực hiện: từ.../.../... đến.../.../...;

3. Về kinh phí và cơ cấu chi:.....

Điều 2. Các nội dung khác của Hợp đồng không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức chủ trì và các bên liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà):... (*đơn vị quản lý nhiệm vụ, tổ chức chủ trì, cơ quan, tổ chức có liên quan*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- Lưu: VT,....

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

BM-23

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỔ CHỨC TƯ VẤN/CHUYÊN GIA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU RA CỦA NHIỆM VỤ

Kính gửi: *(cơ quan quản lý nhiệm vụ)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ:.....

2. Mã số (nếu có):.....

3. Tổ chức chủ trì:.....

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ:.....

5. Thời gian thực hiện: từ.../.../... đến.../.../...

6. Nguồn kinh phí thực hiện:.....

7. Lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:.....

II. CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ

1. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

2. Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ;

3. Hợp đồng số... ký giữa... và...;

4. Hồ sơ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ gồm:...[1]

III. QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHUYÊN GIA

1. Thời gian thực hiện: từ ngày... đến ngày... tháng... năm...

2. Nội dung, tiêu chí đánh giá:...[2]

3. Các tổ chức tư vấn/chuyên gia đánh giá:...

---

[1] Các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

[2] Quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung

a) Mức độ hoàn thành mục tiêu, nội dung nghiên cứu:.....

b) Đánh giá về tính mới, sáng tạo, giá trị khoa học:.....

c) Chất lượng và độ tin cậy của các kết quả, dữ liệu, sản phẩm:.....

d) So sánh với yêu cầu hợp đồng và thuyết minh ban đầu:.....

2. Về sản phẩm, kết quả đầu ra

Nhóm sản phẩm	Theo hợp đồng	Thực hiện thực tế	Đánh giá của Tổ chuyên gia
Sản phẩm KH,CN&ĐMST (mẫu, quy trình, thiết bị...)	...	...	...
Sản phẩm công bố, sở hữu trí tuệ	...	...	...
Kết quả ứng dụng, thương mại hóa	...	...	...

3. Về tổ chức thực hiện và quản lý (*Năng lực, trách nhiệm của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ; việc phối hợp giữa các đơn vị tham gia...*)

4. Đánh giá hiệu quả của sản phẩm, kết quả nghiên cứu (*Hiệu quả khoa học, hiệu quả kinh tế; hiệu quả xã hội: tác động tới phát triển cộng đồng, chính sách, đào tạo nhân lực; hiệu quả đổi mới sáng tạo; hiệu quả môi trường...*)

5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (*Những nội dung chưa hoàn thành hoặc chưa đạt yêu cầu; nguyên nhân chủ quan và khách quan...)*

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ:.....[3]

2. Hiệu quả của sản phẩm, kết quả nghiên cứu:.....[4]

3. Nhận xét chung:.....

VI. KIẾN NGHỊ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN/CHUYÊN GIA

...

---

[3] Đánh giá theo quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[4] Đánh giá theo quy định tại khoản điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

VII. KẾT LUẬN

Tổ chức tư vấn/chuyên gia thống nhất thông qua Báo cáo này. Báo cáo gồm... trang và... phụ lục kèm theo, được lập thành... bản, có giá trị pháp lý như nhau.

TỔ CHỨC TƯ VẤN/CHUYÊN GIA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BM-24

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN (nếu có) **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v:.....	*...., ngày... tháng.... năm 20....*

ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi: *(tên cơ quan quản lý nhiệm vụ)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

Tên Nhiệm vụ:.....

Mã số Nhiệm vụ (nếu có):..... Số hợp đồng:..... ngày ký.....

Cơ quan, Tổ chức chủ trì:.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ:.....

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: Từ ngày... đến ngày....

Tình hình sử dụng kinh phí:.....

II. CĂN CỨ ĐỀ NGHỊ...[1]

III. NỘI DUNG

1. Nêu rõ nội dung đề nghị:.....

2. Đề xuất phương án xử lý sau chấm dứt:.....

IV. HỒ SƠ KÈM THEO:....[2]

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

Tổ chức chủ trì cam kết:

1. Về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp;

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bàn giao, thanh lý và hoàn trả theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

3. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung đề nghị.

Tổ chức chủ trì
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[1] Quy định tại điểm b khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

[2] Quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

BM-25

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Hợp đồng giao nhiệm vụ số... ký ngày.../.../... giữa... (Cơ quan quản lý nhiệm vụ) và... (Tổ chức chủ trì);

Căn cứ Công văn số... ngày.../.../... của Tổ chức chủ trì đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ[1]*;*

Căn cứ Báo cáo của tổ chức tư vấn/chuyên gia đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ ngày.../.../...;

Xét đề nghị của... (đơn vị quản lý nhiệm vụ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các nội dung sau đây:.. (*tên nhiệm vụ; tổ chức chủ trì; kết quả đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả; mức độ hoàn thành khối lượng công việc; chất lượng sản phẩm khoa học và công nghệ; tổng kinh phí đã được phê duyệt cho nhiệm vụ; tổng kinh phí đã sử dụng, kinh phí còn lại, kính phí phải hoàn trả theo quy định (nếu có)*).

[1] Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì:.. *(trong việc quản lý, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc bàn giao kết quả cho đơn vị tiếp nhận kết quả/đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả, hoặc các nội dung khác)*[2].

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Đại diện đơn vị quản lý, tổ chức chủ trì và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- Lưu: VT,....

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

[2] Quy định tại Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

BM-26

BỘ CHỦ QUẢN **CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG GIAO NHIỆM VỤ

(*loại hình nhiệm vụ.....*)

Số:.....

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Hợp đồng số... ký ngày.../.../... giữa... (Cơ quan quản lý nhiệm vụ) và... (Tổ chức chủ trì);

Căn cứ Quyết định số..... ngày.../.../... của cơ quan quản lý nhiệm vụ về việc chấm dứt nhiệm vụ[1]*;*

Biên bản bàn giao hồ sơ, tài sản và kinh phí ngày.../.../... (nếu có)[2].

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại....., hai bên gồm có:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Bên giao nhiệm vụ (Bên A):

- Đại diện là Ông/Bà:...
- Chức vụ:.... (*theo Văn bản ủy quyền số....)*
- Địa chỉ:....
- Số tài khoản:.... Tại.....
- Mã số sử dụng ngân sách:....

2. Bên nhận nhiệm vụ (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Nhiệm vụ)

- Đại diện là Ông/Bà:.....
- Chức vụ:..... (*theo Văn bản ủy quyền số....)*

---

[1] Quy định tại khoản 1 và 2 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

[2] Theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

- Địa chỉ:.....

- Tên giao dịch tại Kho bạc:.....

- Số tài khoản:..... Tại:.....

- Mã số sử dụng ngân sách:.....

II. NỘI DUNG

1. Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Biên bản thanh lý Hợp đồng) với các nội dung chủ yếu sau đây:.. (*xác nhận thực hiện nghĩa vụ; quyết toán tài chính/tài sản; số kinh phí, thời gian, kết quả thực hiện nhiệm vụ và thông tin bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ*[3]*; ghi nhận quyền, nghĩa vụ còn lại và cam kết khác (nếu có)*)

2. Hợp đồng chính thức hết hiệu lực kể từ ngày ký Biên bản này;

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành.... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ.... bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ	**ĐẠI DIỆN BÊN B** TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

[3] Đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 18.12.2025 16:16:41 +07:00

VĂN BẢN KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 389/NQ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc bổ sung danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an tại các văn bản số 554/TTr-BCA ngày 12 tháng 9 năm 2025, số 2529/BC-BCA ngày 03 tháng 10 năm 2025, số 2892/BC-BCA ngày 14 tháng 11 năm 2025;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung các cửa khẩu sau vào danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử được nêu tại Điều 2 Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về việc áp dụng cấp thị thực điện tử cho công dân các nước, vùng lãnh thổ; các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử, bao gồm:

I. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG:

1. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Long Thành (áp dụng khi được đưa vào khai thác, vận hành);

2. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (áp dụng khi được đưa vào khai thác, vận hành);

3. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Vinh;

4. Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Chu Lai.

II. DANH SÁCH CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN:

1. Cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng (đường sắt), tỉnh Lạng Sơn;

2. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai (đường sắt), tỉnh Lào Cai;

3. Cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng;

4. Cửa khẩu quốc tế Lóng Sập, tỉnh Sơn La;

5. Cửa khẩu quốc tế Nam Giang, thành phố Đà Nẵng;

6. Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai;

7. Cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp, tỉnh Tây Ninh;

8. Cửa khẩu quốc tế đường bộ/đường sông Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp;

9. Cửa khẩu quốc tế Dinh Bà, tỉnh Đồng Tháp;

10. Cửa khẩu quốc tế Tân Nam, tỉnh Tây Ninh;

11. Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

III. DANH SÁCH CỬA KHẨU CẢNG:

1. Cửa khẩu cảng Vạn Gia, tỉnh Quảng Ninh;

2. Cửa khẩu cảng Diêm Điền, tỉnh Hưng Yên;

3. Cửa khẩu cảng Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình;

4. Cửa khẩu cảng Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;

5. Cửa khẩu cảng Cửa Lò - Bến Thủy, tỉnh Nghệ An;

6. Cửa khẩu cảng Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh;

7. Cửa khẩu cảng Gianh, tỉnh Quảng Trị;

8. Cửa khẩu cảng Hòn La, tỉnh Quảng Trị;

9. Cửa khẩu cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị;

10. Cửa khẩu cảng Thuận An, thành phố Huế;

11. Cửa khẩu cảng Kỳ Hà, thành phố Đà Nẵng;

12. Cửa khẩu cảng Sa Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi;

13. Cửa khẩu cảng Vũng Rô, tỉnh Đắk Lắk;

14. Cửa khẩu cảng Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa;

15. Cửa khẩu cảng Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa;

16. Cửa khẩu cảng Phú Quý, tỉnh Lâm Đồng;

17. Cửa khẩu cảng Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng;

18. Cửa khẩu cảng Bến Lức, tỉnh Tây Ninh;

19. Cửa khẩu cảng Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp;

20. Cửa khẩu cảng Soài Rạp - Hiệp Phước, tỉnh Đồng Tháp;

21. Cửa khẩu cảng Mỹ Thới, tỉnh An Giang;

22. Cửa khẩu cảng Hòn Chông, tỉnh An Giang;

23. Cửa khẩu cảng An Thới, tỉnh An Giang;

24. Cửa khẩu cảng Trường Long Hòa, tỉnh Vĩnh Long;

25. Cửa khẩu cảng Giao Long, tỉnh Vĩnh Long;

26. Cửa khẩu cảng Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Bùi Thanh Sơn

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn